

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022, xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023

UBND huyện Triệu Sơn nhận được Công văn số 2527/SNN&PTNT-KL ngày 27/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa về việc xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2022, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả triển khai, thực hiện với những nội dung sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT QUY HOẠCH CHO PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT

1. Hiện trạng đất quy hoạch cho phát triển rừng: rừng phòng hộ, rừng sản xuất:

Toàn huyện có 4.653,84 ha diện tích rừng và đất lâm nghiệp trong đó: Diện tích rừng sản xuất 2.797,11 ha; diện tích rừng phòng hộ 1.329,82 ha; diện tích quy hoạch ngoài lâm nghiệp 526,91 ha.

2. Hiện trạng rừng (Chia theo nguồn gốc, loại rừng; chia theo khu vực quản lý,...):

Diện tích rừng tự nhiên 988,09 ha; diện tích rừng trồng 3.138,84 ha. Giao khoán bảo vệ rừng phòng hộ với diện tích 1.223,3 ha cho các hộ gia đình trên địa bàn 03 xã, thị trấn (thị trấn Nưa, xã Vân Sơn, xã Thái Hòa).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

(Theo yêu cầu Công văn số 936/TCLN-KHTC ngày 23/6/2022 của Tổng cục Lâm nghiệp).

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

1.1. Về công tác bảo vệ rừng, PCCCR:

- Toàn huyện có 16 xã, thị trấn có rừng (Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành, Hợp Thành, Hợp Tiến, Hợp Lý, Hợp Thắng, Thọ Tiến, Thọ Tân, Minh Sơn, Dân Lực, Thọ Cường, Vân Sơn, Thái Hòa, Thị trấn Nưa); do thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, trên địa bàn huyện không có tình trạng phá rừng, khai thác rừng, xâm lấn rừng trái phép; quản lý, bảo vệ tốt 988,09 ha rừng tự nhiên và 3.138,84 ha rừng trồng.

- Đối với diện tích 1.329,82 ha rừng phòng hộ được phân bố ở 03 xã, thị trấn (Vân Sơn 334,7 ha, Thái Hòa 337,1 ha, Thị trấn Nưa 551,5 ha), hàng năm

Ban quản lý Dự án bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ huyện đều rà soát, giao khoán cho 113 hộ gia đình tại 03 xã, thị trấn (Vân Sơn 63 hộ, Thái Hòa 40 hộ, Thị trấn Nưa 28 hộ). Do làm tốt công tác khoán, bảo vệ rừng nên những năm qua toàn bộ diện tích rừng phòng hộ được bảo vệ, không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái pháp luật, an ninh rừng được giữ vững.

- Đối với diện tích 2.797,11 ha rừng sản xuất được phân bổ trên địa bàn 16 xã, thị trấn đều được giao cho các hộ gia đình, cá nhân quản lý, trồng rừng để phát triển kinh tế. Trong những năm qua do làm tốt công tác quản lý, bảo vệ, toàn bộ diện tích rừng sản xuất đều được bảo vệ và phát huy được vai trò sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, an ninh rừng được đảm bảo.

1.2. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng:

- Trên địa bàn huyện có 83 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp, trong đó: Có 02 Công ty sản xuất giống cây lâm nghiệp tại xã Hợp Tiến và xã Minh Sơn; 02 Hợp tác xã sản xuất giống cây lâm nghiệp tại xã Dân Lực và xã Minh Sơn; 79 hộ sản xuất giống cây lâm nghiệp tự do. Cụ thể:

+ Diện tích sản xuất giống cây lâm nghiệp: 21,87 ha; loài cây sản xuất chủ yếu là Cây Keo lai.

+ Số lượng cây giống lâm nghiệp sản xuất/năm: 58.657.940 cây.

+ Nguồn gốc cây giống: Chủ yếu mua từ Công ty giống cây lâm nghiệp Thanh Hóa và Công ty giống cây lâm nghiệp Việt Nam. Một số ít các hộ gia đình thường gieo ươm cây giống lâm nghiệp từ nguồn giống (hạt, hom,...) xô bồ, không rõ nguồn gốc, kém chất lượng nên tỷ lệ sống của cây thấp, năng suất cây trồng không cao.

+ Số lao động hoạt động sản xuất cây giống lâm nghiệp/năm: 361 lao động.

+ Tổng doanh thu từ bán cây giống lâm nghiệp: 41.850.000.000 đồng/năm.

+ Tổng thu nhập từ bán cây giống lâm nghiệp: 18.458.000.000 đồng/năm.

- Đối với rừng trồng: Triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng trên địa bàn huyện năm 2022 với diện tích 150 ha/năm. Khối lượng khai thác gỗ rừng trồng năm 2022 ước tính 12.000 m³/150 ha/năm. Tỷ lệ cây giống được kiểm soát 2% so với tổng số diện tích rừng trồng trên địa bàn.

1.3. Nhiệm vụ khác:

Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ triển khai Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp; các đề án, dự án liên quan.

Nhằm nâng cao năng suất và chất lượng rừng, trong những năm qua, UBND huyện Triệu Sơn đã tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn, các đơn vị sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp sản xuất và cung cấp giống cây trồng lâm nghiệp mang lại hiệu quả và giá trị kinh tế cao cho người dân.. Năng suất rừng trồng

bình quân trên địa bàn khi khai thác chính 80 triệu đồng/ha, Sản lượng khai thác từ gỗ rừng trồng 80 tấn/ha, sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ 30.000 tấn (khai thác tre, luồng làm nguyên liệu giấy). Huyện đã tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ, gắn với phát triển và làm giàu rừng; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp; khai thác tối đa các lợi thế để phát triển rừng sản xuất; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

- Tổng nhu cầu vốn năm 2022 là 392.679.000 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn*). Từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng phòng hộ theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016): $1.223,3 \text{ ha} \times 300.000\text{đ/ha} = 366.990.000\text{đồng}$.

+ Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu: $366.990.000\text{đ} \times 7\% = 25.689.000\text{đồng}$.

* Tổng kinh phí năm 2021 là: $366.990.000\text{đ} + 25.689.000\text{đ} = 392.679.000\text{đồng}$.

- Kinh phí và diện tích thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng: Tổng diện tích được hỗ trợ từ chính sách dịch vụ môi trường rừng là 650 ha nằm trên khu vực xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn với tổng mức hỗ trợ năm 2022 là 15.301.000 đồng.

2. Tiểu dự án 1, dự án 3

2.1. Khoán bảo vệ rừng:

Đối với diện tích 1.329,82 ha rừng phòng hộ được phân bố ở 03 xã, thị trấn (Vân Sơn 334,7 ha, Thái Hòa 337,1 ha, Thị trấn Nưa 551,5 ha), hàng năm Ban quản lý Dự án bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ huyện đều rà soát, giao khoán cho 113 hộ gia đình tại 03 xã, thị trấn (Vân Sơn 63 hộ, Thái Hòa 40 hộ, Thị trấn Nưa 28 hộ). Do làm tốt công tác khoán, bảo vệ rừng nên những năm qua toàn bộ diện tích rừng phòng hộ được bảo vệ, không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái pháp luật, an ninh rừng được giữ vững.

2.2. Trồng rừng sản xuất:

Triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng trên địa bàn huyện năm 2022 với diện tích 150 ha/năm. Khối lượng khai thác gỗ rừng trồng năm 2022 ước tính $12.000 \text{ m}^3/150 \text{ ha/năm}$. Tỷ lệ cây giống được kiểm soát 2% so với tổng số diện tích rừng trồng trên địa bàn.

3. Đánh giá tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, bất ổn an ninh chính trị toàn cầu tới kết quả phát triển lâm nghiệp năm 2022; Tích tụ, tập

trung đất đai để phát triển lâm nghiệp, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao

3.1. Đánh giá tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, bất ổn an ninh chính trị toàn cầu tới kết quả phát triển lâm nghiệp năm 2022:

- Phát triển lâm nghiệp trong thời gian qua đã gặt hái được nhiều thành công nhất định tuy nhiên việc phát triển cây lâm nghiệp vẫn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết. Điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, mưa bão, sâu bệnh ảnh hưởng lớn đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất cây trồng, chủ yếu là cây keo.

- Trong những năm qua thời tiết, khí hậu thuận lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cây lâm nghiệp trên địa bàn huyện, năng suất cây trồng được tăng, thu nhập của người dân tham gia trong lĩnh vực lâm nghiệp được nâng lên.

3.2. Tích tụ, tập trung đất đai để phát triển lâm nghiệp, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao:

Đối với những diện tích rừng nhỏ lẻ, trồng cây phân tán không mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong thời gian qua, địa phương đang khuyến khích các tổ chức, cá nhân tập trung đất đai, phát triển lâm nghiệp với quy mô lớn trong đó khuyến khích và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao trong việc phát triển lâm nghiệp trong thời gian tới.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

Nhìn chung công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đã được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã quan tâm chỉ đạo sát sao, đã ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo điều hành trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, PCCCR sát thực tế; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để làm tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, PCCCR nhằm phấn đấu không để xảy ra cháy rừng, phát triển diện tích rừng hiện có, mang lại giá trị kinh tế cho người dân trên địa bàn huyện.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR:

- Các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc phục vụ cho công tác PCCCR còn nhiều hạn chế. Kinh phí hỗ trợ cho người tham gia chữa cháy rừng và thực hiện công tác PCCCR chưa cao, chưa khích lệ được người dân trong công tác PCCCR, nguy cơ dẫn đến cháy rừng vẫn còn tiềm ẩn.

- Công tác PCCCR trên địa bàn chưa được nâng cao, chưa phát huy được hết hiệu quả trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR. Ban Chỉ đạo ở một số xã, thị trấn hoạt động chưa hiệu quả, chưa bám sát địa bàn (vẫn còn tình trạng cháy

thực bì rừng trồng trên địa bàn nhưng chưa nắm bắt được thông tin và triển khai chữa cháy kịp thời).

- Việc điều tra, xử lý các vụ vi phạm về cháy thực bì rừng của các ngành chức năng chưa kịp thời, chưa xử lý triệt để các vụ vi phạm pháp luật trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR dẫn đến tình trạng cháy thực bì rừng vẫn còn tiếp diễn.

2.2. Đối với công tác phát triển rừng:

- Hiện tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn hoạt động chưa được kiểm soát tốt nên chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp đưa vào sản xuất chưa cao, chưa đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

- Chưa tìm ra được giống cây trồng đem lại năng suất, hiệu quả kinh tế cao cho người dân. Hiện tại gần như 100% diện tích rừng trồng trên địa bàn huyện đều trồng thuần loài cây keo.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan:

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện dàn trải, không tập trung, một số diện tích đất rừng nằm trên khu vực núi đá, địa hình hiểm trở, hiện trạng chủ yếu là nứa tép và cây tái sinh nên rất khó khăn trong việc PCCCR cũng như phát triển rừng trồng sản xuất.

- Do nguồn kinh phí đầu tư cho việc mua sắm trang thiết bị PCCCR còn hạn chế nên khi có cháy rừng xảy ra rất khó có thể ứng phó, chữa cháy kịp thời.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp trên địa bàn huyện còn manh mún, nhỏ lẻ chưa tập trung nên việc kiểm soát được chất lượng, nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp đưa vào sản xuất, kinh doanh còn hạn chế.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Ban Chỉ đạo huyện, xã hoạt động chưa tích cực, các thành viên trong Ban Chỉ đạo chưa nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR.

- Nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, nhân dân tại một số xã, thị trấn còn hạn chế dẫn đến hiệu quả trong hoạt động phát triển rừng, bảo vệ rừng, PCCCR chưa cao.

- Các phòng, ngành chức năng chưa quan tâm trong việc nghiên cứu, tìm ra cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân; chưa tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các cơ sở kinh doanh, mua bán giống cây lâm nghiệp không có nguồn gốc, xuất xứ. Việc xử lý các vụ vi phạm trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR chưa triệt để.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho việc mua sắm các trang thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ chữa cháy rừng còn hạn chế.

4. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

- Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục trang cấp các thiết bị cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại các địa phương.

- Có chính sách hỗ trợ đối với diện tích trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng đạt chuẩn FSC.

- Đưa những giống cây cho năng suất cao vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế góp phần nâng cao đời sống cho người dân một cách bền vững.

- Quản lý sản xuất giống cây lâm nghiệp có nguồn gốc xuất xứ, đã được khảo nghiệm theo quy định và mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, TIỂU DỰ ÁN 1 NĂM 2023

I. NHIỆM VỤ

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

Tiếp tục bảo vệ phát triển toàn bộ diện tích rừng hiện có trên địa bàn huyện. Nâng cao năng suất, hiệu quả cây lâm nghiệp trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ đưa các loại giống cây lâm nghiệp có hiệu quả và năng suất cao vào sản xuất.

2. Tiểu dự án 1, dự án 3

- Tiếp tục khoán bảo vệ rừng cho người dân sống gần rừng và ven rừng nhằm bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ hiện có trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng phá rừng, xâm lấn rừng, khai thác rừng và cháy rừng xảy ra trên địa bàn.

- Tăng cường công tác trồng rừng sản xuất trong đó chú trọng vào việc lựa chọn giống cây lâm nghiệp cho năng suất, mang lại hiệu quả kinh tế cao để đưa vào sản xuất.

3. Đánh giá tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, bất ổn an ninh chính trị toàn cầu tới kết quả phát triển lâm nghiệp năm 2022; Tích tụ, tập trung đất đai để phát triển lâm nghiệp, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao

3.1. Đánh giá tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, bất ổn an ninh chính trị toàn cầu tới kết quả phát triển lâm nghiệp năm 2022:

Diễn biến thời tiết ngày càng khó lường, không theo quy luật. Trong thời gian tới, cấp ủy, chính quyền các cấp cần quan tâm hơn nữa trong việc dự báo thời tiết, xác định cụ thể mùa vụ trồng rừng để hướng dẫn cho người dân trồng rừng đúng thời vụ, cho năng suất cao và giảm thiểu được rủi ro do điều kiện thời tiết gây ra.

3.2. Tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao:

Tiếp tục khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích tụ, tập trung đất đai, phát triển lâm nghiệp với quy mô lớn trong đó khuyến khích và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao trong việc phát triển lâm nghiệp trong thời gian tới.

II. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG

Tổng nhu cầu vốn từng năm hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng phòng hộ theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016) là: 392.679.000 đồng. Kinh phí hỗ trợ từ chính sách dịch vụ môi trường rừng là 15.301.000 đồng. Từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Công tác bảo vệ rừng: Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục trang cấp các thiết bị cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại các địa phương. Tăng tiền công khoán bảo vệ rừng phòng hộ cho các hộ nhận khoán nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ rừng đối với khu vực rừng phòng hộ.

2. Công tác phát triển rừng: Có chính sách hỗ trợ đối với diện tích trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng đạt chuẩn FSC.

3. Hỗ trợ khoa học kỹ thuật cho địa phương, đưa những giống cây cho năng suất cao vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế góp phần nâng cao đời sống cho người dân một cách bền vững.

4. Hỗ trợ cho địa phương trong công tác quản lý sản xuất giống cây lâm nghiệp có nguồn gốc xuất xứ, đã được khảo nghiệm theo quy định và mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phú Quốc